

Chăm sóc và nuôi dạy trẻ em của người Việt Nam sinh sống tại Canada

Vũ Tuyết Lan¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: vutuyetlan@hotmail.com

Nhận ngày 15 tháng 10 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 1 năm 2019.

Tóm tắt: Việc nuôi dạy trẻ em của người Việt Nam sinh sống ở Canada hiện nay đang tồn tại nhiều bất cập, bao gồm: mâu thuẫn giữa quá trình Canada hóa trẻ em Việt Nam và trách nhiệm của trẻ đối với gia đình, họ hàng Việt Nam; sự khác biệt về mức độ tiếp thụ văn hóa Canada giữa những người mẹ Việt Nam nhập cư và con cái của họ; rào cản từ những nguyên tắc được luật hóa trong việc chăm sóc và nuôi dạy con ở Canada. Trước những thách thức này, các bà mẹ Việt Nam cần chủ động thích nghi với xã hội Canada để mang đến một tương lai tốt đẹp hơn cho mỗi trẻ em.

Từ khóa: Người nhập cư, trẻ em, Việt Nam, Canada.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: The upbringing of children by Vietnamese living in Canada is currently facing issues, namely the conflict between the process of Canadianisation of the children and their responsibilities to the Vietnamese families and relatives; the differences in the extents of absorbing Canadian culture between the immigrant mothers and their children; and the barriers caused by the principles that are legalised in the caring for and upbringing of children in Canada. Facing these challenges, Vietnamese mothers need to proactively adapt to Canadian society to bring a better future for each child.

Keywords: Immigrants, children, Vietnam, Canada.

Subject classification: Ethnology

1. Mở đầu

Canada là một đất nước đa văn hóa. Việc xây dựng, bảo tồn và phát huy đa dạng văn hóa của tất cả các nhóm nhập cư là một

mục tiêu quan trọng của quốc gia này. Theo báo cáo của Immigration Watch Canada (IWC), từ năm 1990 cho tới nay, mỗi năm Canada nhận thêm khoảng 250.000 người nhập cư (IWC 1980-2013). Điều đó càng

khẳng định vai trò của người nhập cư đối với Canada. Do đó, chính phủ Canada chủ trương tích hợp thực hành văn hóa của các nhóm nhập cư với nhau và với văn hóa bản địa để tạo thành tổng thể văn hóa Canada.

Ở Canada, trẻ em là trung tâm, việc chăm sóc, nuôi dạy trẻ em luôn được đặt lên hàng đầu. Chính quyền các tỉnh của Canada đều có một cơ quan phụ trách các vấn đề liên quan đến chăm sóc và nuôi dạy trẻ em; cơ quan này xây dựng một trang điện tử chính thức cung cấp các thông tin và hướng dẫn cho việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ em từ thời kỳ còn trong bụng mẹ cho đến tuổi vị thành niên. Đây được coi là cuốn cẩm nang nuôi dạy trẻ em cho bất kỳ bà mẹ nào đang sinh sống và làm việc ở Canada. Theo quan điểm của chính phủ Canada, trẻ em trên đất Canada đều giống nhau và được chăm sóc, nuôi dạy theo cùng một phương pháp. Mặc dù chính phủ Canada coi quá trình phát triển và nuôi dạy mọi trẻ em thuộc mọi nhóm xã hội, tộc người đều như nhau, song các bà mẹ nhập cư, trong đó có các bà mẹ nhập cư Việt Nam, vẫn duy trì các khuôn mẫu riêng trong chăm sóc và nuôi dạy con của mình. Bài viết này giới thiệu quy định về cách thức chăm sóc và nuôi dạy trẻ em ở Canada, chỉ ra việc luật hóa các nguyên tắc chăm sóc và nuôi dạy trẻ em ở Canada, phân tích trách nhiệm của trẻ em người Việt Nam đối với gia đình, họ hàng.

2. Quy định về cách thức chăm sóc và nuôi dạy trẻ em ở Canada

Việc chăm sóc và nuôi dạy con cái được coi là công việc liên quan đến phụ nữ trong rất nhiều xã hội, không chỉ ở Việt Nam hay

Canada. Truyền thống phụ quyền được khẳng định khá rõ ngay trong hệ tư tưởng của xã hội Canada khi nói về vấn đề nuôi dạy trẻ em. Thậm chí, việc nuôi dạy trẻ em còn được luật hóa và thể chế hóa nhằm một mục đích là duy trì sự kiểm soát của truyền thống phụ quyền [7, tr.2].

Canada có tư tưởng làm mẹ toàn diện, theo đó người mẹ phải theo chuẩn mực, tiêu chuẩn trong việc nuôi dạy và chăm sóc con. Tư tưởng này xuất phát từ quan niệm cho rằng, người mẹ phải dành nhiều nhất có thể thời gian, tâm sức, tiền bạc cho việc chăm sóc và nuôi dạy con cái [4]. Tư tưởng này xuất hiện ở các nước phương Tây và trở thành chuẩn mực đạo đức cho việc làm mẹ.

Trong xã hội phụ quyền, việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ em đòi hỏi người phụ nữ phải đem đến cho trẻ sự phát triển tốt nhất (người phụ nữ phải dành hết thời gian, sức lực và tinh thần để trẻ phát triển tốt về mọi mặt và duy trì được mối quan hệ mẹ con tốt đẹp).

Quá trình nuôi dạy một đứa trẻ ẩn chứa xung đột trong mối quan hệ giữa mẹ và con, giữa mẹ với các tác nhân văn hóa xã hội. Với những người phụ nữ di cư, xung đột này là thách thức không nhỏ trong quá trình chăm sóc và nuôi dạy con. Nếu như người phụ nữ không hoàn thành hoặc không làm tốt trách nhiệm và công việc mà xã hội giao phó, thì họ sẽ bị đánh giá và xếp loại theo chuẩn mực xã hội riêng cho việc làm mẹ. Những người phụ nữ nhập cư ở Canada có trải qua một số chương trình hòa nhập về văn hóa và ngôn ngữ, nhưng họ cũng không thể thực sự kết nối chặt chẽ với văn hóa và xã hội của Canada để có thể tạo nên những mối quan hệ, thay đổi như xã hội mong đợi.

Một số học giả cho rằng, sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc và nuôi dạy con ở Canada đã có sự thay đổi bởi cơ chế kinh tế

thị trường và giá trị kinh tế từ công việc nội trợ gia đình, trong đó có việc nuôi dạy con bị đánh giá thấp [2], [4]. Hiện nay, trong tư tưởng phương Tây, việc nuôi dạy con được coi là một công việc, một nghề trong xã hội, những người làm việc này cần được đào tạo. Trong xã hội Canada, một người vợ ở nhà chăm sóc, nuôi dạy con có thể nhận được tiền lương từ chồng hoặc tiền trợ cấp từ chính phủ. Chi phí cho việc gửi trẻ ở Canada quá đắt đỏ, điều đó khiến cho các bà mẹ nhập cư thường ở nhà chăm sóc và nuôi dạy con để tiết kiệm chi phí cho gia đình. Tuy nhiên, khi đó, những bà mẹ người Việt Nam lại chịu áp lực từ xã hội Canada (từ những đánh giá xã hội, từ việc xếp hạng thứ bậc trong việc làm mẹ trong xã hội Canada).

Trong xã hội Canada hiện nay, người phụ nữ dành nhiều thời gian hơn cho những công việc bên ngoài để đóng góp nhiều vào kinh tế gia đình và đầu tư cho con cái. Chính vì vậy, họ sẽ không thể dành nhiều thời gian cho con như trước kia; thay vào đó, họ tập trung vào chất lượng của khoảng thời gian cho con hơn. Nhiều học giả cho rằng, tư tưởng làm mẹ toàn diện thể hiện sự biến đổi trong nhận thức về các nhu cầu của trẻ em và xuất phát từ tình yêu thương của cha mẹ dành cho con cái. Tuy nhiên, tư tưởng làm mẹ toàn diện thực ra là nguyên tắc quy định cách thức nuôi dạy con, và bắt nguồn từ việc các cá nhân phải cố gắng theo đuổi các mối quan tâm của mình. Khi cố gắng theo đuổi các mối quan tâm riêng, đôi khi người ta tạo nên những viễn cảnh không tưởng, phi thực tế. Chính những điều kiện đó sản sinh ra xung đột văn hóa trong việc làm mẹ. Cho dù cố gắng phê phán tư tưởng làm mẹ toàn diện, xã hội Canada cũng như các xã hội phương Tây khác

không thể phủ nhận nguồn gốc từ chủ nghĩa cá nhân của tư tưởng này [4].

Trong khi đó, mối quan tâm của các bà mẹ Việt Nam đều gắn chặt với sự phát triển của những đứa con. Với những bà mẹ Việt Nam, dường như không có cái gọi là mối quan tâm cá nhân, mà tất cả chỉ là sự hy sinh cho con cái khi họ quyết định làm mẹ. Sự phát triển và mối quan tâm của con là những ưu tiên hàng đầu của họ. Tư tưởng về đức hy sinh có lẽ cũng là một chuẩn mực đạo đức về việc làm mẹ trong xã hội Việt Nam, là nội dung chính của tư tưởng làm mẹ toàn diện theo kiểu Việt Nam. Như vậy, những phụ nữ di dân mang theo tư tưởng, khuôn mẫu đạo đức đối với việc làm mẹ của xã hội này để định cư và sinh sống trong một xã hội khác với các tư tưởng chuẩn mực khác cho việc làm mẹ. Điều này đã đặt những người phụ nữ nhập cư vào những nghịch lý ngay trong chính tư tưởng về việc làm mẹ.

3. Nguyên tắc và nuôi dạy trẻ em ở Canada

Ở Canada, các nguyên tắc nuôi dạy con được luật hoá. Một số người không có đủ nguồn lực và điều kiện phù hợp để đáp ứng với các nguyên tắc đó. Những người phụ nữ ở hoàn cảnh yếu thế (phụ nữ nghèo nông thôn, tàn tật, dân tộc thiểu số, người nhập cư hay những người phụ nữ lao động ở tầng thấp của xã hội) sẽ là đối tượng không đáp ứng được các nguyên tắc được đưa ra.

Việc chăm sóc và nuôi dạy con một cách toàn diện trong xã hội Canada được quy định bởi hệ thống tri thức khoa học (người mẹ cần có kiến thức khoa học trong việc chăm sóc và nuôi dạy con để đảm bảo các tiêu chí là một người mẹ toàn diện). Để hỗ

trợ người mẹ trong quá trình làm mẹ, cung cấp các thông tin cần thiết giúp người mẹ chăm sóc và nuôi dạy con tốt, có các tài liệu hướng dẫn, các tạp chí chuyên sâu, hệ thống tư vấn chuyên gia. Tuy nhiên, việc đánh giá chất lượng quá trình chăm sóc và nuôi dạy con của các bà mẹ nhập cư lại phụ thuộc vào các giá trị văn hóa, xã hội của đất nước sở tại. Vì vậy, nhiều nhóm người ở tầng dưới của xã hội (như người nhập cư, các nhóm tộc người thiểu số hay những người dân lao động nghèo sống ở những miền quê xa xôi, hẻo lánh) có thể bị loại trừ ra khỏi hệ thống tri thức. Những đối tượng này thường gặp phải hoàn cảnh khó khăn (như trình độ học vấn thấp hoặc không biết chữ, không có điều kiện tiếp cận về chăm sóc sức khỏe, gặp phải các vấn đề kỳ thị, phân biệt chủng tộc, rào cản ngôn ngữ hoặc yêu cầu bắt buộc về công việc của người mẹ để đảm bảo điều kiện kinh tế khi nuôi con) [13, tr.71-106].

Hệ thống tri thức về việc làm mẹ toàn diện ở Canada được các học giả ngày nay gọi là hệ thống tri thức có thẩm quyền [3]. Hệ thống tri thức này được xây dựng trên nền tảng tri thức y sinh học, coi cơ thể con người là một cỗ máy sinh học. Tri thức y sinh học áp dụng không chỉ cho việc chẩn đoán, chữa trị bệnh tật trên cơ thể con người, mà cả cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển cơ thể một con người, nhất là với trẻ em. Dù trên thực tế, có nhiều hệ thống tri thức khác cũng mang giá trị nhận thức, văn hóa, xã hội, nhưng chỉ hệ thống tri thức có thẩm quyền mới được luật hóa, và được coi là nền tảng quy định hành vi cũng như xử phạt [11, tr.346]. Điều này đồng nghĩa với việc các hệ thống tri thức khác trong xã hội sẽ bị xem là thứ yếu hoặc thậm chí bị gạt đi.

Một cuộc khảo sát mang tính so sánh về tính đa văn hóa trong xã hội Canada đã được thực hiện, nhằm tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của yếu tố văn hóa tộc người trong việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ em, cũng như mức độ hài lòng của các bà mẹ đối với hệ thống chăm sóc sức khỏe ở đây [11]. Kết quả của cuộc khảo sát này cho thấy, các bà mẹ Canada chủ yếu sử dụng hệ thống tri thức y sinh học và nguồn hỗ trợ chuyên gia trong việc chăm sóc và nuôi dạy con, họ là những người thuộc tầng lớp trung lưu trở lên. Tuy nhiên, chính họ cũng là những người không cảm thấy hài lòng với những tri thức và hệ thống chuyên gia hỗ trợ đó. Nhưng cho dù thể hiện sự không hài lòng, họ vẫn cảm thấy yên tâm và tin tưởng vào những tri thức đó hơn là những tri thức kinh nghiệm do mẹ hay người thân của họ cung cấp. Trong khi đó, những người mẹ thuộc các nhóm khác, chẳng hạn như những người nhập cư, lại chủ yếu sử dụng những tri thức mang tính kinh nghiệm (từ bà, mẹ và những người phụ nữ khác là người thân, họ hàng trong gia đình) [11]. Hệ thống tri thức y sinh học và hỗ trợ chuyên gia cũng không phải là một hệ tri thức hoàn hảo cho việc chăm sóc và nuôi dạy con. Nhưng hệ thống này lại được sử dụng để phân loại những người mẹ và việc làm mẹ. Hệ thống tri thức thẩm quyền tạo ra các chuẩn mực và giá trị xã hội để định hình và kiểm soát công dân. Ngoài ra, hệ thống tri thức có thẩm quyền còn phản ánh quan hệ giữa nhà nước và công dân thông qua việc làm mẹ. Ở Canada, mỗi cá nhân là tài sản của nhà nước và nhà nước chịu trách nhiệm trực tiếp với mỗi cá nhân. Do đó, công việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ em được thể chế hóa và luật hóa nhằm đảm bảo cho trẻ em được chăm sóc, bảo vệ và phát triển tốt nhất

theo các nguyên tắc mà nhà nước đề ra. Việc chăm sóc, nuôi dạy trẻ em được coi là một công việc mà cha mẹ phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và được nhà nước giao phó thông qua những chính sách phúc lợi bảo trợ trẻ em. Nếu người mẹ không làm tốt vai trò làm mẹ theo đúng các nguyên tắc mà nhà nước đề ra, thì họ có thể bị coi là những người mẹ tồi và sẽ có nguy cơ bị tước quyền nuôi con. Khi đó, trẻ em sẽ được trao cho người khác (những người mà chính phủ cho rằng sẽ làm công việc chăm sóc và nuôi dạy con họ tốt hơn). Trong tư duy của những bà mẹ Việt Nam, con cái là tài sản của gia đình, là một thành tố quan trọng để tạo nên sự bền vững và yên ấm của gia đình. Việc nuôi dưỡng và chăm sóc một đứa trẻ thể hiện mối quan hệ trực tiếp giữa đứa trẻ và cha mẹ. Do đó, để đánh giá về việc làm mẹ, thì trước hết phải nhìn từ góc độ của đứa trẻ, và sau đó là góc độ của những người thân trong gia đình và họ hàng, chứ không phải chỉ đơn thuần từ góc độ của nhà nước.

Nhiều học giả đã phê phán gay gắt quan điểm coi hệ thống tri thức khoa học như là một “quyền năng của chúa”. Theo sự phê phán đó, hệ thống này có thể hạn chế khả năng tiếp cận của một số nhóm xã hội nhất định hay tạo ra một cấu trúc quyền lực trong xã hội đi cùng với hệ thống kiến thức chuyên gia. Theo Haraway, hệ thống tri thức khoa học này mang tính thiên lệch, không phản ánh đúng thực tế; thực tế phức tạp hơn rất nhiều so với hệ thống tri thức khoa học đó; mỗi cơ thể con người là một thế giới riêng và nó đòi hỏi cần phải được thấu hiểu một cách đầy đủ, chứ không chỉ đơn thuần áp dụng một mô thức, khuôn mẫu chung cho tất cả mọi người hay tất cả các nhóm người.

Ở Canada, những cuốn sách hướng dẫn chăm sóc và nuôi dạy con được coi là “kinh thánh” cho các bà mẹ. Ngôn ngữ được sử dụng trong các cuốn sách hướng dẫn mang tính chuyên ngành khoa học. Để có thể tiếp thu và lĩnh hội đầy đủ những thông tin, kiến thức trong đó, người sử dụng phải có một mức độ hiểu biết nhất định. Trong khi đó, ngôn ngữ luôn là một trở ngại lớn cho các bà mẹ nhập cư Việt Nam. Vấn đề thường thức trong một xã hội không chỉ dừng ở ngôn ngữ, mà hơn thế, nó là sự khác biệt về văn hóa thể hiện ở cách hiểu ngôn ngữ, tư tưởng, tư duy lý tính [3, tr.231]. Khi tri thức khoa học trong các cuốn sách hướng dẫn trở thành nguồn tri thức đúng duy nhất buộc mọi người phải tuân theo, thì tất cả các phương thức thực hành và tri thức khác sẽ bị phủ nhận. Như vậy, đối với các bà mẹ nhập cư, hiểu và thực hành theo những hướng dẫn đó là một thách thức.

4. Trách nhiệm của trẻ em người Việt Nam ở Canada đối với gia đình và họ hàng

Cấu trúc thân tộc phụ quyền của văn hoá Việt Nam có ảnh hưởng sâu sắc tới sự hình thành các gia đình cũng như mối liên hệ của các gia đình trong hệ thống thân tộc của người Việt Nam ở Canada. Trong bối cảnh toàn cầu hóa với các dòng nhập cư, mối quan hệ thân tộc vượt ra khỏi khuôn khổ của một quốc gia. Thậm chí, mối liên hệ thân tộc không chỉ tiếp nối trong thế hệ của những người đang sống, mà còn có sự liên kết với người đã mất (ngay cả khi người đã mất, trước khi mất, sống ở nước ngoài). Nền tảng duy trì mối quan hệ thân tộc xuyên quốc gia là những mối quan hệ họ hàng ở quê hương, và quan hệ đó được coi

là không bao giờ bị cắt đứt. Vì lý do thờ cúng tổ tiên và những người đã khuất trong gia đình, nam giới khi đã mất vẫn là thành viên vĩnh viễn trong hệ thống thân tộc phụ hệ [6, tr.749].

Một yếu tố quan trọng của hệ thống thân tộc trong văn hoá Việt Nam là sự duy trì giống nòi, trong đó việc làm mẹ có vai trò to lớn. Trong việc chăm sóc và nuôi dạy con, người mẹ Việt Nam có trách nhiệm duy trì quan hệ thân tộc. Các thành viên trong gia đình, họ hàng phải chịu những ràng buộc về trách nhiệm nhất định đối với toàn bộ hệ thống thân tộc, cũng như với các thành viên trong hệ thống đó. Việc chăm sóc và nuôi dạy con của những người mẹ Việt Nam nhập cư được giám sát bởi họ hàng, gia đình ở Việt Nam (sự tiếp nối về dòng giống của một dòng họ, gia đình); đồng thời, công việc đó lại bị giám sát bởi chính phủ Canada. Mỗi thiết chế xã hội đặt ra các yêu cầu khác nhau đối với việc chăm sóc và nuôi dạy con. Trong nhiều trường hợp, sự căng thẳng xuất hiện trong việc duy trì các mối quan hệ họ hàng và gia đình do xuất hiện sự khác biệt trong cách suy nghĩ giữa mẹ và con. Người mẹ chịu trách nhiệm duy trì mối quan hệ thân tộc ngay cả khi họ sống ở nước ngoài. Trong khi đó, trẻ lại muốn chống lại sự duy trì đó; muốn tiếp thu lối sống, hệ giá trị, văn hóa và tư tưởng Canada để có thể hòa nhập hoàn toàn vào xã hội Canada.

Gia đình là một thiết chế vô cùng quan trọng đối với người nhập cư, đặc biệt là đối với người nhập cư Việt Nam. Trong bối cảnh của cuộc sống nhập cư, gia đình, họ hàng là “sợi dây” quan trọng để người nhập cư không cảm thấy sự mất kết nối. Tuy nhiên, sợi dây này chỉ có thể chạm tới những người nhập cư chứ không đủ lực để

ràng buộc các thế hệ con cháu của họ. Những trẻ em nhập cư sống ở Canada trước hết là công dân Canada. Đối với những trẻ em đó, vai trò một thành viên của dòng họ ở Việt Nam trở nên khá mờ nhạt. Mỗi ràng buộc của dòng họ ở Việt Nam chỉ có thể tác động tới những trẻ em nhập cư thông qua những người mẹ. Điều này sẽ làm người mẹ chịu thêm áp lực và căng thẳng trước sự giám sát từ xa. Người mẹ được đặt vào vị trí cầu nối giữa quê hương và nước nhập cư trong việc nuôi dạy con cái.

Sự căng thẳng, thậm chí là đối nghịch giữa mẹ và con trong việc chăm sóc và nuôi dạy con xuất hiện do có sự khác biệt về nhận thức. Những trải nghiệm nhập cư cùng với mối liên hệ bám rễ với thân tộc ở quê nhà đã khiến những người mẹ Việt Nam cảm thấy rằng mình không thuộc về Canada. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, họ còn cảm thấy bị phân biệt đối xử, bị kỳ thị hay bị gạt sang bên lề. Trong khi đó, những đứa trẻ Việt Nam nhập cư (có hoặc không được sinh ra ở Canada) do được nuôi dưỡng, dạy dỗ ở Canada nên nhận thức rằng bản thân mình là thành viên thuộc về Canada. Các bà mẹ Việt Nam thường gặp những vấn đề về tâm lý trong việc nuôi dạy con ở Canada. Thực tế có mâu thuẫn là, các bà mẹ Việt Nam vừa muốn những đứa con của mình hòa nhập vào Canada, vừa muốn duy trì bản sắc Việt Nam cùng với trách nhiệm duy trì dòng họ và kết nối với gia đình ở quê hương. Đó là một điều rất có ý nghĩa với nhận thức về bản thân của những người di cư.

5. Kết luận

Các nhà nhân học từ trước đến nay luôn coi việc nuôi dạy và chăm sóc trẻ em là một quá trình trao truyền văn hóa vô cùng

quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, đối với quá trình hình thành và duy trì quan hệ gia đình, thân tộc, cũng như quá trình tái sản xuất xã hội [1]. Quá trình chăm sóc và nuôi dạy con của các bà mẹ Việt Nam nhập cư ở Canada không chỉ đơn thuần là quá trình xã hội hóa cá nhân trẻ em, mà nó còn phản ánh chính đời sống nhập cư trong bối cảnh xuyên quốc gia. Những thực hành làm mẹ đó thể hiện trách nhiệm xã hội của người mẹ đối với trẻ em, với họ hàng ở Việt Nam và với đất nước Canada (nơi họ nhập cư). Những người mẹ nhập cư Việt Nam luôn mong đợi một tương lai tốt đẹp hơn cho thế hệ con cháu. Họ gặp nhiều khó khăn, thách thức từ chính bối cảnh xã hội nhập cư mang lại. Họ phải ứng phó và thích nghi với những thách thức đó trong quá trình chăm sóc và nuôi dạy con.

Tài liệu tham khảo

- [1] Barlow, K. & Chaplin, L. (2010), "The Practice of Mothering: An Introduction", *Ethos*, Vol. 38, No.4.
- [2] Chodorow, N. (1987), *The Reproduction of Mothering: Psychoanalysis of Sociology of Gender*, University of California Press.
- [3] Haraway, J.D. (1991), *Simians, Cyborgs and Women: The Reinvention of Nature*, Routledge Publication, New York.
- [4] Hays, S. (1996), *The Cultural Contradictions of Motherhood*, Yale University Press, New Haven and London.
- [5] Jordan, B. (1997), "Authoritative Knowledge and Its Constraints", *Fieldwork in Developing Countries*, Lynne Rienner Publishers, Boulder, Colorado.
- [6] Luong, V.H. (1989), "Vietnamese kinship: Structural Principles and Socialist Transformation in Northern Vietnam", *Journal of Asian Studies*, Vol. 48, No. 4.
- [7] O'Reilly, A., eds. (2010), *Twenty-first Century Motherhood: Experience, Identity, Policy, Agency*, Columbia University Press, New York.
- [8] Reckwitz, A. (2002), "Toward a Theory of Social Practices: a Development in Culturalist Theorizing", *European Journal of Social Theory*, Vol. 5, No. 2.
- [9] Ruddick, S. (1989), *Maternal Thinking: Towards a Politics of Peace*, Beacon Press, Boston, Massachusetts.
- [10] Scheper-Huges, N. & Sagent, C., eds. (1999), *Small Wars, Cultural Politics of Childhood*, University of California Press.
- [11] Whitley, R. (2009), "Mastery of Mothering Skills and Satisfaction with Associated Health Services: An Ethnocultural Comparison", *Cult Med Psychiatry*, Vol. 33.
- [12] Winograd, T. & Flores, F. (1986), *Understanding Computers and Cognition: A New Foundation for Design*, Ablex Publishing Corporation.
- [13] Wolf, J.B. (2011), "Chapter 4: From the Womb to the Breast: Total Motherhood and Risk-Free Children", *Is Breast the Best? Taking on the Breastfeeding Experts and the New High Stakes of Motherhood*, New York University Press, New York.